

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI
PHÒNG ĐBCL&KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ...5... tháng ...8... năm ...2026.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI

Học phần: Quản lý cung ứng thuốc(DHA0703213) Lớp: K77

Học kỳ: 2 Năm học: 2025 - 2026

Ngày công bố điểm thi:

09-07-2026

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
1	Đào Thị Thu Uyên	2201866	O1K77	12	7	Bảy điểm	7	Bảy điểm	
2	Vũ Lan Uyên	2201873	Q1K77	17	5	Năm điểm	5	Năm điểm	
3	Nguyễn Đình Vũ	2201888	M1K77	29	8.5	Tám phẩy Năm	8.5	Tám phẩy Năm	
4	Nguyễn Khánh Vy	2201895	O1K77	33	7.5	Bảy phẩy Năm	7.5	Bảy phẩy Năm	
5	Đoàn Hà Yến Nhi	2201910	O1K77	45	7.8	Bảy phẩy Tám	7.8	Bảy phẩy Tám	
6	Nguyễn Cẩm Tú	2201842	N1K77	64	7.3	Bảy phẩy Ba	7.3	Bảy phẩy Ba	
7	Vũ Trần Anh Tuấn	2201851	P1K77	72	4.3	Bốn phẩy Ba	4.3	Bốn phẩy Ba	
8	Cao Thị Ánh Tuyết	2201859	N1K77	79	8	Tám điểm	8	Tám điểm	
9	Lê Thị Thu Thủy	2201784	M1K77	85	7.3	Bảy phẩy Ba	7.3	Bảy phẩy Ba	
10	Nguyễn Thị Thu Thủy	2201786	M1K77	87	7.5	Bảy phẩy Năm	7.5	Bảy phẩy Năm	
11	Đỗ Thị Phương Thảo	2201732	N1K77	123	7.8	Bảy phẩy Tám	7.8	Bảy phẩy Tám	

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
12	Nguyễn Phương Thảo	2201744	N1K77	133	6.5	Sáu phẩy Năm	6.5	Sáu phẩy Năm	
13	Vũ Tiến Thịnh	2201761	M1K77	148	7	Bảy điểm	7	Bảy điểm	
14	Nguyễn Minh Thư	2201773	N1K77	159	8.5	Tám phẩy Năm	8.5	Tám phẩy Năm	
15	Nguyễn Thị Hà Thư	2201774	M1K77	160	7	Bảy điểm	7	Bảy điểm	
16	Vũ Minh Quân	2201676	N1K77	176	8	Tám điểm	8	Tám điểm	
17	Hoàng Minh Phúc	2201651	O1K77	249	5	Năm điểm	5	Năm điểm	
18	Phùng Thị Thúy Nga	2201571	N1K77	271	7.8	Bảy phẩy Tám	7.8	Bảy phẩy Tám	
19	Trần Hồng Nga	2201572	N1K77	272	6	Sáu điểm	6	Sáu điểm	
20	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	2201604	N1K77	293	7.5	Bảy phẩy Năm	7.5	Bảy phẩy Năm	
21	Trương Ánh Ngọc	2201611	M1K77	297	7.5	Bảy phẩy Năm	7.5	Bảy phẩy Năm	
22	Chu Nhật Mai	2201507	M1K77	302	3	Ba điểm	3	Ba điểm	
23	Đỗ Đức Mạnh	2201523	M1K77	312	6.5	Sáu phẩy Năm	7.8	Bảy phẩy tám	CBCT vào nhầm điểm
24	Trần Khắc Mạnh	2201527	M1K77	316	7.5	Bảy phẩy Năm	7.5	Bảy phẩy Năm	
25	Bùi Thị Khánh Huyền	2201376	N1K77	420	6.8	Sáu phẩy Tám	6.8	Sáu phẩy Tám	
26	Nguyễn Thị Thu Huyền	2201392	N1K77	434	7.8	Bảy phẩy Tám	7.8	Bảy phẩy Tám	
27	Phạm Thanh Huyền	2201397	N1K77	438	8	Tám điểm	8	Tám điểm	

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
28	Nguyễn Nhật Hoàng	2201335	M1K77	468	7.8	Bảy phẩy Tám	7.8	Bảy phẩy Tám	
29	Trần Mạnh Giáp	2201238	P1K77	550	6.8	Sáu phẩy Tám	6.8	Sáu phẩy Tám	
30	Trần Gia Bảo	2201111	Q1K77	675	6	Sáu điểm	6	Sáu điểm	
31	Dương Đức Anh	2201027	M1K77	696	5	Năm điểm	5	Năm điểm	
32	Lê Minh Đức Anh	2201039	Q1K77	706	6.3	Sáu phẩy Ba	6.3	Sáu phẩy Ba	
33	Nguyễn Hoàng Anh	2201052	Q1K77	715	4.5	Bốn phẩy Năm	4.5	Bốn phẩy Năm	
34	Phạm Đức Bình	2201119	NK77	681	7	Bảy điểm	7	Bảy điểm	

GIÁO VỤ KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Thị Quỳnh Liên

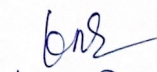
TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Thanh Hương

TRƯỞNG PHÒNG ĐBCL&KT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Kiều Thị Hồng